

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2023/DS-PT.

Ngày: 30/11/2023

V/v: “*Tranh chấp QSDĐ làm lối đi*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Hùng;
Ông Đặng Văn Quyết.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Đặng Văn Thìn– Kiểm sát viên.

Ngày 30/11/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2023/TLPT- DS ngày 12/10/2023 về việc: “*Tranh chấp QSDĐ làm lối đi*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 58/2023/DS-ST, ngày 18/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 203/2023/QĐ-PT ngày 08/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa giữa:

Nguyên đơn: Ông Vũ Chí B, sinh năm 1933, (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Vũ Chí S, sinh năm 1966, con ông B, (có mặt).

Địa chỉ: Số 51 phố Th, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn:

1- Ông Nguyễn Văn Ph - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý

Nhà nước tỉnh Bắc Giang, (có đơn xin vắng mặt);

2- Bà Thân Thị Thúy V - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý
Nhà nước tỉnh Bắc Giang, (có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Bà Giáp Thị X, sinh năm 1951, (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Dương Văn Tuân, sinh năm 1981, (có mặt)

Đều có địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bà X: Luật sư Hà Đình T - Công ty Luật
TNHH Thiên Q, Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang, (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1- Anh Dương Văn T1, sinh năm 1981, con bà X, (có mặt);

2- Anh Dương Văn T2, sinh 1983, con bà X, (có mặt);

3- Anh Vũ Trí B1, sinh năm 1975, con ông B, (có mặt);

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1961, (vắng mặt), ủy quyền cho bà Hoàng Thị
L, sinh năm 1963, vợ ông H, (có mặt).

Đều có địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Vũ Chí B và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Vũ Chí S đều trình bày: Năm 1968 gia đình ông B đến thửa đất 618m² ở thôn Đ xã V, huyện L sinh sống. Năm 2002 gia đình ông được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận QSDĐ có số cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số 00347 QSDĐ/số 252/QĐ - CT ngày 17/4/2002. Trước khi được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, các chủ hộ có đất liền kề đều ký giáp ranh. Hiện trạng con đường nằm giáp với thửa đất của gia đình bà X đi đến thửa đất của gia đình ông ở phía trên đồi đã có từ trước năm 1968. Năm 1998, ông xây dựng gia đình cho con trai ông là anh Vũ Trí B1 và cho anh B diện tích đất 966m² ở thôn Đ, xã V. Năm 2011, gia đình ông chuyển đến thửa đất mới để ở còn thửa đất 618m² thì gia đình ông trồng cây bạch đàn. Để chăm sóc cây cối, ông vẫn thường xuyên đi qua con đường. Năm 1999 gia đình ông Nguyễn Văn H; anh K, anh B cùng nhau vác đất dưới ao để đắp lên con đường để đi lại cho thuận tiện. Nay, bà X cho rằng một phần của đường đi thuộc quyền quản lý của gia đình bà X nên đã cản trở việc đi lại của gia đình ông và một số gia đình khác. Ông khởi kiện đề nghị giữ nguyên hiện trạng lối đi chung cho 3 gia đình gồm gia đình ông, gia đình ông H và gia đình anh B. Ông B ủy quyền cho anh Vũ Chí S tham gia tố tụng tại Tòa án.

Bị đơn bà Giáp Thị X trình bày: Bà là vợ ông Dương Văn C. Năm 1968, bố chồng bà là cụ Dương Văn Th và ông C lên khai hoang mảnh đất hiện nay thôn Đ xã V, huyện L. Thửa đất này nằm giáp với lối đi vào thửa đất của hộ gia đình ông Vũ Chí B ở. Năm 2000, UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ gia đình bà mang tên ông Dương Văn C. Năm 2014, ông C chết, tháng 01 năm 2014, gia đình bà đã xây tường vành lao, giáp đường bê tông của thôn. Khi đó các hộ gia đình gồm ông Vũ Chí B, anh Vũ Trí B1, anh Nguyễn Văn H vẫn đi nhờ qua một phần thửa đất của gia đình bà. Khoảng năm 2013, ông H đã lát gạch kiên cố lối đi nhưng bà cũng không có ý kiến gì. Nay, ông B khởi kiện đề nghị giữ nguyên hiện trạng lối đi thì bà không đồng ý vì một phần đất mà các hộ vẫn sử dụng làm lối đi là nằm trong Giấy chứng nhận QSDĐ của hộ gia đình bà. Khi gia đình bà được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ thì hộ gia đình bà có 4 khẩu gồm: Ông Dương Văn C, bà, anh Dương Văn T1, anh Dương Văn T2, còn 03 con gái của bà là chị Dương Thị Q, chị Dương Thị T3 và chị Dương Thị T4 đã xây dựng gia đình từ trước năm 2000 nên không liên quan đến phần đất đang có tranh chấp, bà đề nghị không đưa chị Q, chị T3 và chị T4 vào tham gia tố tụng trong vụ án này. Bà ủy quyền cho anh Dương Văn Tuấn tham gia tố tụng tại Tòa án.

Anh Vũ Trí B1 trình bày: Anh là con ông Vũ Chí B. Năm 1998, anh xây dựng gia đình và được ông Vũ Chí B cho phần đất diện tích 966m² ở thôn Đ, xã V. Năm 2000, gia đình anh được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Trước khi được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, các hộ có đất liền kề đều có ký giáp ranh, hiện trạng con đường đi vào đất của gia đình anh đã có từ trước. Năm 1999, anh cùng gia đình ông H, anh K cùng nhau vác đất dưới ao để đắp lên con đường như bây giờ. Năm 2007, gia đình anh chuyển đến sinh sống tại thửa đất mới. còn thửa đất 966m² thì gia đình anh vẫn trồng cây bạch đàn. Khi anh lên chăm sóc cây, anh vẫn đi lại trên con đường nằm giáp đất của hộ gia đình bà X mà hiện tại đang tranh chấp. Anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bố anh, đề nghị giữ nguyên hiện trạng lối đi chung cho 3 gia đình gồm gia đình ông B, gia đình anh H và gia đình anh.

Ông Nguyễn Văn H trình bày: Năm 1994 gia đình ông nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Thọ Cán. Năm 2000, gia đình ông được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Trước khi được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, các hộ có đất liền kề đều có ký giáp ranh, hiện trạng các đường đi đã có từ trước. Gia đình ông ở thửa đất này từ năm 1994, khi đó đường đi còn khó khăn gia đình ông cùng gia đình anh B, anh K cùng nhau vác đất dưới ao để đắp lên con đường như bây giờ. Tháng 5/2013, ông đã lát gạch đường đi nhưng gia đình bà Giáp Thị X không có ý kiến gì. Con đường đi hiện tại nằm giáp với thửa đất của gia đình bà X là lối đi chung của

các gia đình ông Vũ Chí B, anh Vũ Trí B1 và gia đình ông. Nay các bên xảy ra tranh chấp, ông đề nghị giữ nguyên hiện trạng làm lối đi chung cho 3 gia đình gia đình gồm gia đình ông Vũ Chí B, anh Vũ Trí B1 và gia đình ông. Ông ủy quyền cho anh Vũ Chí S tham gia tố tụng tại tòa án.

Anh Dương Văn T1 và anh Dương Văn T2 đều trình bày: Các anh đều là con trai của ông Dương Văn C và bà Giáp Thị X. Các anh đồng ý với ý kiến của bà X, không bổ sung gì thêm.

Những người làm chứng:

Ông Nguyễn Văn B (nguyên trưởng thôn Đ xã V từ năm 2000 đến năm 2004, là người dân sống tại thôn Đ) trình bày: Ông là người dân sinh sống từ nhỏ cho đến nay tại thôn Đ. Con đường các hộ ông Vũ Chí B, ông Nguyễn Văn H và anh Vũ Trí B1 vẫn đi trên con đường hiện đang đi. Thời xa xưa con đường đó còn rất nhỏ, sau này các hộ vác đất đập lên làm đường to như bây giờ. Năm 2000, theo chính sách của Nhà nước, các hộ dân kê khai để cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, thôn và UND xã đã thành lập Tổ đi đo đất của các hộ. Ông Dương Văn C đo đất nằm phía trong của con đường đi chung vì đường đi chung có từ rất lâu đời. Nay xảy ra tranh chấp đường đi chung giữa ông Vũ Chí B và bà Giáp Thị X. Ông đã ở thôn Đ từ nhỏ ông khẳng định con đường đó có từ rất lâu đời. Giờ đây hộ bà Giáp Thị X không cho các hộ ông Vũ Chí B, ông Nguyễn Văn H, anh Vũ Trí B1 đi lại thì các hộ gia đình trên không còn con đường nào để đi lại.

Ông Hoàng Thanh Th1 (nguyên là cán bộ địa chính xã V, phó Chủ tịch xã V sinh sống tại thôn Đ) trình bày: Từ năm 1986 đến năm 1989, ông là cán bộ địa chính UBND xã V. Năm 1989 đến năm 1994 ông là Phó Chủ tịch UBND xã V, Trưởng Công an xã V, kiêm Bí thư thôn Đ. Xuất xứ con đường đang tranh chấp có từ rất lâu đời những năm trước đây con đường rất nhỏ sau đó các hộ tôn tạo lên như bây giờ. Khi các hộ làm thủ tục để cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, ông là người chỉ đạo các hộ dân trong xã. Hộ ông Dương Văn C mở cổng đi cùng hộ ông Nguyễn Văn H, hộ ông Vũ Chí B, hộ anh Vũ Trí B1. Ông khẳng định con đường đó có từ những năm 1960 là lối đi chung của thôn không nằm trong Giấy chứng nhận QSDĐ của hộ ông Dương Văn C. Nay, bà Giáp Thị X không cho các hộ gia đình gồm ông Vũ Chí B, ông Nguyễn Văn H, anh Vũ Trí B1 đi lại là sai quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án xác định con đường đang tranh chấp là đường đi chung của thôn Đ.

+ Tại biên bản xác minh ngày 25/4/2023, ông Đặng Văn T5 - Trưởng thôn Đ, xã V cung cấp:

Con đường đi đang tranh chấp giữa ông Vũ Chí B và bà Giáp Thị X đã có từ những năm 1968 cho đến nay. Các hộ ông Vũ Chí B, hộ ông Nguyễn Văn H và hộ anh Vũ Trí B1 vẫn sử dụng làm lối đi chung. Ngoài con đường này thì các hộ không còn con đường đi nào khác.

+ Tại biên bản xác minh ngày 25/4/2023, UBND xã V cung cấp: Theo thực tế tại địa phương đường đi ở nông thôn rộng khoảng 3m hai bên có rãnh thoát nước. Con đường đang tranh chấp giữa các hộ ông Vũ Chí B và bà Giáp Thị X đã có từ rất lâu đời, khi các hộ được cấp đất đã có con đường này để các hộ đi chung. Nay ông Vũ Chí B khởi kiện lối đi chung với bà Giáp Thị X, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Hiện trạng đường đi được lát gạch chỉ đỏ lát năm 2013 có diện tích 47,88m² có giá trị $x \ 140.000\text{đ}/\text{m}^2 = 6.703.000\text{đ}$ (trừ giá trị khấu hao 5%/năm); Tổng giá trị còn lại $6.703.000\text{đ} \times 5\% = 335.160\text{đ} \times 10 \text{ năm} = 3.351.000\text{đ}$;

01 cây nhãn đường kính tán 4,5m có giá 1.400.000đ;

01 cây nhãn đường kính tán 1,5m có giá 320.000đ;

Giá đất ở nông thôn vị trí 1 khu vực 3 có giá (đất ở) 1.000.000đ/m².

Đất trồng cây lâu năm = 50% đất ở có giá 500.000đ/m².

Sau khi tiến hành đo đạc diện tích thực tế đất của hộ ông Dương Văn C có diện tích thực tế 837,2m² tăng lên 203,2m².

Do có nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 58/2023/DS-ST ngày 18/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện L đã áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 165, Điều 166, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 169 Bộ luật dân sự; Điều 170 Luật đất đai năm 2013; điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Chí B về việc yêu cầu giữ nguyên hiện trạng lối đi chung cho 3 hộ gia đình là gia đình ông Vũ Chí B, gia đình ông Nguyễn Văn Hà và gia đình anh Vũ Trí B1.

Xác định đường đi có diện tích 52,8m² phía Tây Bắc giáp đất nhà ông H có các cạnh 7-12 có chiều dài 3,36m, cạnh 12 -13 có chiều dài 2,62m, phía Đông Bắc giáp đất nhà ông Dương Văn C có các cạnh 4-5 có chiều dài 9,59m; cạnh 5 - 6 có chiều dài 9,42m; cạnh 6-7 có chiều dài 3,47m, phía phía Tây Nam giáp đường bê tông của thôn có các cạnh 3- 4 có chiều dài 1,57m, cạnh 4-13 có chiều dài 20,36m là đường đi công cộng của thôn Đ, xã Vũ Xã, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Buộc bà Giáp Thị X chấm dứt hành vi cản trở đối với các hộ ông Vũ Chí B, hộ ông Nguyễn Văn H, hộ anh Vũ Trí B1 được sử dụng đường đi công cộng, (có sơ đồ kèm theo)

2. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản:

Buộc bà Giáp Thị X phải trả ông Vũ Chí B 10.000.000đ tiền đo vẽ, thẩm định, đo đạc, định giá tài sản.

3. Về án phí: Bà Giáp Thị X được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/8/2023, bị đơn là bà Giáp Thị X nộp kháng cáo;

Tại phiên tòa, Nguyên đơn là ông B do anh Vũ Chí S là người đại diện theo ủy quyền không rút đơn khởi kiện. Bị đơn là bà Giáp Thị X không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bà Giáp Thị X là Luật sư Hà Đình T6 và anh Dương Văn T3 là người đại diện theo ủy quyền của bà X đều trình bày: Bản án sơ thẩm đã xét xử không đảm bảo quyền lợi cho bà X. Phần đất tranh chấp thuộc đất của hộ gia đình ông Cương, bà X. Gia đình ông Cương, bà X đã tôn tạo lối đi này từ rất lâu và cho mọi người đi nhờ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà X, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B.

+ Ông Vũ Chí B do anh Vũ Chí S là người đại diện theo ủy quyền không đồng ý với kháng cáo của bà X. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà X, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử vì lý do phần đất tranh chấp là lối đi chung không nằm trong Giấy chứng nhận của gia đình bà X, ông Cương. Thực tế thì các hộ gia đình đã sử dụng phần đất tranh chấp làm lối đi từ từ năm 1960. Năm 2013, ông H tôn tạo đường đi chung, lát gạch chỉ kiên cố, nhưng gia đình bà X không có ý kiến gì phản đối. Hộ bà X đã xây vành lao kiên cố nằm phía trong đường đi chung để phân định ranh giới. Đây là lối đi duy nhất của các hộ gia đình.

+ Bà Hoàng Thị L là vợ ông Nguyễn Văn H đã trình bày: Phần đất tranh chấp là lối đi vòng cung từ trên đồi xuống đường bê tông nằm sâu ở phía dưới nếu gia đình bà X bịt lại lối đi này thì các hộ gia đình nằm ở phía trên đồi không thể đi xuống đường bê tông nằm sâu ở phía dưới được.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang áp dụng khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà X, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Hộ gia đình ông Vũ Chí B, ông Nguyễn Văn H, anh Vũ Trí B1 có đất ở nằm về phía trên đồi. Thửa đất của hộ gia đình ông Dương Văn C, bà Giáp Thị X nằm ở phía dưới đồi tại thôn Đ xã V, huyện L. Trước khi xảy ra tranh chấp, các hộ gia đình vẫn sử dụng đường đi giáp với thửa đất của hộ gia đình bà X để đi ra đường bê tông nằm ở phía dưới đồi. Nay do gia đình bà X cản trở không cho các hộ gia đình đi vào lối đi này vì cho rằng: Phần đất làm lối đi nằm trong Giấy chứng nhận QSDĐ của hộ gia đình bà X.

Ông Vũ Chí B khởi kiện đề nghị giữ nguyên hiện trạng lối đi chung cho 3 gia đình gồm gia đình ông B, gia đình ông H và gia đình anh B.

Quá trình giải quyết, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thẩm định và xác định phần đất tranh chấp là đường đi có diện tích 52,8m².

Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B. Xác định phần đất tranh chấp có diện tích 52,8m² là đường đi công cộng của thôn Đ, xã Vũ Xã, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Buộc bà Giáp Thị X chấm dứt hành vi cản trở sử dụng đường đi công cộng đối với các hộ ông Vũ Chí B, hộ ông Nguyễn Văn H, hộ anh Vũ Trí B1, (có sơ đồ kèm theo).

Sau khi xét xử, bà X kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm đã xử.

Xét kháng cáo của bà X, Hội đồng xét xử xét thấy:

Các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Lời khai của những người làm chứng; bản đồ địa chính của UBND xã V đã thể hiện lối đi chung của các hộ gia đình để đi ra đường làng nằm giáp đất của hộ gia đình bà X đã có từ năm 1960. Năm 2000 Nhà nước có chính sách để các hộ tự kê khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Hộ gia đình ông Dương Văn C chồng bà X kê khai và được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ với diện tích đất là 634m² Quá trình thẩm định, phần diện tích đất thực tế của hộ gia

đình bà X hiện nay là 837,2m², là tăng 203,2m² so với diện tích ghi trong Giấy chứng nhận QSDĐ. Sau khi tiến hành đo đạc xác định tọa độ của thửa đất hộ ông Dương Văn C, quá trình áp phần diện tích thực tế của hộ gia đình bà X vào diện tích đất theo Giấy chứng nhận QSDĐ thì phần diện tích đường đi chung là không nằm trong Giấy chứng nhận QSDĐ của hộ ông Dương Văn C (chồng bà X). Thực tế thì các hộ gia đình đã sử dụng phần đất tranh chấp làm lối đi từ từ năm 1960. Năm 2013, ông H tôn tạo đường đi chung, lát gạch chỉ kiên cố, nhưng gia đình bà X không có ý kiến gì phản đối. Hộ bà X đã xây vành lao kiên cố nằm phía trong đường đi chung để phân định ranh giới. Một số người làm chứng cũng khẳng định phần đất tranh chấp là lối đi chung của thôn và con đường này hình thành từ lâu đời và là lối đi duy nhất từ đường làng đi đến nhà ông B, anh B và anh H. Nay, bà X cho rằng phần đất tranh chấp là đường đi thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình bà X là không có cơ sở.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã khẳng định phần đất tranh chấp là đường đi chung của các hộ gia đình là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kháng cáo của bà X là không có cơ sở chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1, Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của bà Giáp Thị X, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 58/2023/DS-ST, ngày 18/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện L đã xử.

Án phí DSPT: Bà Giáp Thị X không phải nộp tiền án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Tòa án nhân dân huyện L;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

Đã ký
Phạm Thị Minh Hiền